

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2026/HS-ST**
Ngày: 02/4/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi
2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Hoàng Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2026/TLST-HS ngày 12/3/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST-HS ngày 19/3/2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không, sinh ngày 10/7/1989 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: số C ấp Q, xã G, tỉnh Vĩnh Long; căn cước công dân số: 083089005043; trình độ văn hóa: không biết chữ; nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1946, cư trú: ấp Q, xã G, tỉnh Vĩnh Long và bà Cao Thị N (đã chết); bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 05 chị em, chị lớn nhất sinh năm 1969; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1991 (đã ly thân), bị cáo có 01 người con sinh năm 2020.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 11/8/2025 bị cáo Nguyễn Văn T bị Công an xã G, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 84/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (chưa nộp phạt).

- Bị cáo Nguyễn Văn T đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh Số B974/LC-VPCQCSĐT ngày 11/12/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V từ ngày 11/12/2025 và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 18/2026/LCĐKNCT ngày 12/3/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 5- Vĩnh Long cho đến nay tại ấp Q, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo có mặt tại tòa.

Bị hại: Ông Đỗ Minh N1, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Q, xã G, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thúy O, sinh năm 1987; nơi cư trú: số B, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1974; nơi cư trú: số B L, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Hồ Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 2004; nơi cư trú: ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 05 phút ngày 29/9/2025, bị cáo Nguyễn Văn T đi bộ từ nhà đến Quán C thuộc ấp Q, xã G, tỉnh Vĩnh Long để uống cà phê. Đến khoảng 14 giờ 20 phút cùng ngày, bị cáo T ra về thì nhìn thấy xe mô tô Biển số 55X1 - 4712, hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen của ông Đỗ Minh N1 là chủ Quán cà phê N2 dựng bên hông quán, trên xe có gắn sẵn chìa khóa nên bị cáo T nảy sinh ý định lấy trộm. Để thực hiện ý định, bị cáo T quay lại đi vào nhà vệ sinh của Q cà phê N2 quan sát rồi đi ra, bị cáo T tiến đến xe mô tô Biển số 55X1 - 4712, trên xe có một nón bảo hiểm rồi lên xe nổ máy điều khiển xe đến quán cà phê ở Ngã tư T, phường P, tỉnh Vĩnh Long do bà Phạm Thúy O, sinh năm: 1987, nơi cư trú: Khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long làm chủ, bị cáo T hỏi mượn bà O số tiền 1.500.000 đồng và để lại xe mô tô vừa lấy trộm được cho bà O, bị cáo T nói với bà O xe này bị cáo T mượn của người khác, bà O viết giấy mượn tiền cho bị cáo T ký. Sau khi nhận được tiền bị cáo T tiêu xài cá nhân hết. Ngày 09/10/2025, ông Đỗ Minh N1 đã tự tìm chuộc lại xe mô tô Biển số 55X1 - 4712 và giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- Do Nguyễn Văn T giao nộp: 01 (một) giấy mượn tiền giữa Nguyễn Văn T và bà Phạm Thúy O.

- Do bị hại Đỗ Minh N1 giao nộp: 01(một) xe mô tô Biển số 55X1 - 4712, hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen, Số khung: Y-037315, Số máy: E-5042365.

Kết luận định giá tài sản Số 01/KL-HĐĐG ngày 02/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự xã G, tỉnh Vĩnh Long kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, màu đỏ đen, Biển số 55X1 - 4712, Số khung: Y-037315, Số máy: E-5042365, trị giá tài sản ngày 29/9/2025 là 5.050.000 đồng (năm triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Kết luận định giá tài sản Số 06/KL-HĐĐG ngày 30/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự xã G, tỉnh Vĩnh Long kết luận: 01 (một) nón bảo hiểm màu trắng có in chữ “HUỲNH THÀNH” trị giá tài sản ngày 29/9/2025 là 67.000 đồng (sáu mươi bảy ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt của bị hại N1 là 5.117.000 đồng (năm triệu một trăm mười bảy ngàn đồng).

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá, lời khai của người có quyền và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu

thập, về trách nhiệm dân sự bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 1.700.000 đồng nhưng chưa thực hiện bồi thường.

Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKSKV5 ngày 10/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị ghi nhận ngày 16/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định xử lý vật chứng Số B363/QĐ-VPCQCSĐT trao trả lại xe mô tô Biển số 55X1 - 4712, hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen cho bị hại ông Đỗ Minh N1.

Đối với 01 (một) giấy mượn tiền giữa Nguyễn Văn T và bà Phạm Thúy O là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên được lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho bị hại ông Đỗ Minh N1 số tiền 1.700.000 đồng

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 292; Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, khoảng 14 giờ 20 phút ngày 29/9/2025 tại Quán C ở ấp Q, xã G, tỉnh Vĩnh Long, bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi lén lút lấy trộm 01 (một) xe mô tô Biển số 55X1 - 4712, hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen và 01 (một) nón bảo hiểm của ông Đỗ Minh N1 với tổng giá trị tài sản là 5.117.000 đồng (năm triệu một trăm mười bảy ngàn đồng) nên bản Cáo trạng số 08/CT-VKSKV5, ngày 10/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Vĩnh Long truy tố bị cáo Nguyễn Văn T3 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực nhận biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bất chấp pháp luật. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện điều đó đã làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội và thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo T không có tiền án nhưng bị cáo có 01 tiền sự theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Số 84/QĐ-XPHC ngày 11/8/2025 của Công an xã G, tỉnh Vĩnh Long xử phạt Nguyễn Văn T số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo chưa nộp phạt. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng là bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội có 01 (một) con nhỏ dưới 15 tuổi quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận ngày 16/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định xử lý vật chứng Số B363/QĐ-VPCQCSĐT trao trả lại xe mô tô Biển số 55X1 - 4712, hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen cho bị hại ông Đỗ Minh N1.

Đối với 01 (một) giấy mượn tiền giữa Nguyễn Văn T và bà Phạm Thúy O là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên được lưu theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra bị hại và bị cáo thống nhất bị cáo có trách nhiệm giao trả cho bị hại ông Đỗ Minh N1 số tiền 1.700.000 đồng là số tiền ông N1 chuộc lại xe mô tô Biển số 55X1 – 4712; tại phiên tòa bị cáo đồng ý giao trả cho ông N1 số tiền nêu trên nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ bồi thường nên phải nộp theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Ghi nhận ngày 16/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V ra Quyết định xử lý vật chứng Số B363/QĐ-VPCQCSĐT trao trả lại xe mô tô Biển số 55X1 - 4712, hiệu Honda, loại Wave RSX, màu đỏ đen cho bị hại ông Đỗ Minh N1.

Đối với 01 (một) giấy mượn tiền giữa Nguyễn Văn T và bà Phạm Thúy O là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên được lưu theo hồ sơ vụ án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm giao trả cho bị hại ông Nguyễn Minh N3 số tiền 1.700.000 (một triệu, bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng và nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Tổng án phí bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV5-Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THA dân sự KV5-Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND xã Giao Long, tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Bị cáo, NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (6b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê